

Số : 08/KH-TrMN

Bình Khê, ngày 10 tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

I. Mục đích:

Chỉ tiêu, sử dụng kinh phí của đơn vị phải thực hiện theo đúng mục đích cấp phát, dự toán được duyệt theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ thanh toán hiện hành và phải có đầy đủ chứng từ hợp pháp, hợp lệ làm căn cứ cho việc ghi sổ kế toán, quyết toán, kiểm tra, kiểm soát. Phải thực hiện triệt để tiết kiệm, chống tham ô lãng phí trong đơn vị. Kiên quyết cắt giảm những khoản chi dùng không thực sự cần thiết mang tính chất phô trương hình thức...

Không tự đặt ra những khoản thu chi trái với pháp luật và các đơn vị quản lý cấp trên chưa cho phép. Đảm bảo nguyên tắc tổng số chi không vượt quá tổng số thu.

II. Căn cứ xây dựng kế hoạch:

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-PGD&ĐT ngày 05/1/2022 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều "V/v giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022";

Thực hiện công văn số: 892/PGDĐT ngày 19 tháng 8 năm 2022, của Phòng giáo dục và đào tạo về việc thực hiện khung thời gian năm học và hướng dẫn một số nội dung chuẩn bị năm học 2022-2023; Kế hoạch số 280/KH-MNHN ngày 23/9/2022 kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của trường MN Hòa Mi.

III. Kế hoạch quản lý tài chính:

1. Nguồn tự chủ: 2.854.000.000đ
2. Nguồn không tự chủ: 174.660.000đ
3. Nguồn cấp bù học phí: 100.200.000đ

IV. Nội dung chi:

1. Ngân sách tự chủ:

Nhóm chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
	<u>Tổng số</u>					
<u>A</u>	<u>Kinh phí tự chủ</u>	<u>2.854.000.000</u>				
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>					

	Mục 6000: Tiền lương	1.214.698.417	303.67 4.604	315.67 4.604	315.674.604	279.674.605
	Mục 6150: Hỗ trợ cho cán bộ đi học	5.000.000		5.000.0 00		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	696.219.375	174.05 4.844	180.05 4.844	180.054.844	162.054.763
	Mục 6200: Tiền thưởng	9.450.000			9.450.000	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	2.820.000		2.820.0 00		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	346.357.154	86.589. 288	86.589. 288	86.589.288	86.589.292
2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>					
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	16.549.590	4.137.3 98	4.137.3 98	4.137.398	4.137.396
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	26.045.000	6.511.2 50	6.511.2 50	6.511.250	6.511.250
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	2.107.000	526.75 0	526.75 0	526.750	526.750
	Chi thu nhập tăng thêm cho CBGVNV năm 2022	103.541.064				103.541.064
	Mục 6700: Công tác phí	13.840.000	3.460.0 00	3.460.0 00	3.460.000	3.460.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	62.222.400	15.555. 600	15.555. 600	15.555.600	15.555.600
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	63.765.000	15.941. 250	15.941. 250	15.941.250	15.941.250
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	284.577.000	71.144. 250	71.144. 250	71.144.250	71.144.250
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	5.980.000	1.495.0 00	1.495.0 00	1.495.000	1.495.000
3	<u>Các khoản chi khác</u>					
	Mục 7750: Chi khác	858.000	214.50 0	214.50 0	214.500	214.500

1.1 Chi lương: Từ tháng 01 đến tháng 12/2022: 2.257.274.946đ

2.2 Chi nghiệp vụ chuyên môn và các khoản chi khác:

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ số 15/QĐ-TrMN ngày 10 tháng 01 năm 2022

2.1.1 Chi nghiệp vụ chuyên môn: 596.725.054đ

2.2.2 Chi thu nhập tăng thêm: 103.541.064đ

2.2.3 Chi chế độ chính sách cho học sinh : 4.040.000đ

2.2.3 Nhu cầu sửa chữa, cải tạo, mua sắm:

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Dự kiến kinh phí (đồng)	Thời gian dự kiến thực	Dự kiến nguồn kinh phí
----	--------------------	-----	----------	-------------------------	------------------------	------------------------

					hiện	
1	Làm rèm chống nắng lớp học			44.425.000	Tháng 8 /2022	Nguồn tự chủ năm 2022
2	Mua loa, âm ly	Bộ	1	49.600.000	Tháng 8 /2022	Kinh phí tự chủ năm 2022
3	Mua bổ sung thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo TT02/2010			122.556.000	Tháng 8 /2022	Nguồn kinh phí tự chủ năm 2022

2. Nguồn không tự chủ: 150.000.000đ

STT	Nội dung	Số tiền dự toán	Nguồn Ngân Sách	Thời gian dự kiến
1	Sửa chữa trần nhà lớp học, phòng làm việc bị lút mái thấm dột điểm trung tâm	45.500.000	Không tự chủ 2022	Tháng 7/2022
2	Sửa chữa trần nhà lớp học bị lút mái thấm dột điểm Quán Vuông	18.500.000	Không tự chủ 2022	Tháng 7/2022
3	Làm rèm chống nắng lớp học	49.000.000	Không tự chủ 2022	Tháng 7/2022
4	Sửa chữa vườn trải nghiệm khu trung tâm	37.000.000	Không tự chủ 2022	Tháng 7/2022
	Tổng cộng	150.000.000		

3. Nguồn học phí: 100.200.000đ

Nhóm chi	Nội dung chi	Tổng số	Chia ra			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
A	Dự toán thu học phí:	100.200.000		26.600.000		73.600.000

	Số học sinh 184 hs * 100.000đ* 9 tháng					
	Trong đó: - Số học sinh nghèo, cận nghèo, khuyết tật:					
B	Dự toán chi nguồn học phí:	100.200.000		26.600.000		73.600.000
1	Chi thanh toán cho cá nhân					
	Mục 6000: Tiền lương	40.080.000		10.640.000		29.440.000
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn					
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	6.404.506		3.202.000		3.402.506
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc			209.000		209.000
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn					
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	53.097.494		12.549.000		40.548.494

**4. Nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ năm học 2022-2023:
14.535.589đ**

- Chi khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/ năm : 1.840.000 đồng
- Chi theo KH số 282 ngày 26/09/2022 Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ công tác y tế trường học, bảo hiểm y tế và công tác bảo vệ trẻ em năm học 2022-2023:
- Chi băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền dịch bệnh: 5.320.000đ
- Chi mua thuốc theo danh mục quy định và nước súc miệng cho trẻ:
2.045.760đ
- Chi khác: 5.329.829đ

Trên đây là kế hoạch quản lý tài chính của trường mầm non Hòa Mi năm 2022.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT(Bc)
- CB, GV, NV (đ/b)
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Mến